TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11-02-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Sử;

2. Ông Nguyễn Văn Trạng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị Ngọc T, sinh năm 1993;

- *Bị đơn:* Anh Dương Văn T1, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: ấp Tân Hòa, xã Tân Hội, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn trình bày:* Vào năm 2011 chị và anh Dương Văn T1 có sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Hồng Ngự (Nay là thành phố Hồng Ngự) vào ngày 08/7/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay, nguyên

nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cải vả. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Có 02 (Hai) con chung là Dương Thị Ngọc Y, sinh ngày 27/5/2011 và Dương Hoàng B, sinh ngày 18/02/2016. Nay ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

* *Bị đơn trình bày:* Qua yêu cầu khởi kiện của chị T anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Thống nhất ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có 02 (Hai) con chung là Dương Thị Ngọc Y, sinh ngày 27/5/2011 và Dương Hoàng B, sinh ngày 18/02/2016. Nay ly hôn anh thống nhất cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc thu thập, tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp và chuyển tài liệu, phương thức chuyển tài liệu chứng cứ mới bổ sung cho Viện kiểm sát chưa thực hiện đầy đủ, chưa đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T1; Chị T được nuôi dưỡng 02 con chung là Hoàng B và Ngọc Y, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về

nuôi con khi ly hôn". Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp Tân Hòa, xã Tân Hội, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- Về hôn nhân: Xét thấy, chị T và anh T1 có sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/7/2011 tại Ủy ban nhân dân xã TH, thị xã Hồng Ngự (Nay là thành phố Hồng Ngự), nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp. Nay chị Thảo khởi kiện xin ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã TH thì trong thời gian chung sống với nhau tại địa phương thì chị T và anh T1 có xảy ra mâu thuẩn về tình cảm vợ chồng, nguyên nhân là do hai bên không cùng về quan điểm sống của cá nhân và hiện nay không con sống chung với nhau nữa. Đồng thời sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thì anh T1 cũng có văn bản ý kiến thống nhất ly hôn với chị T. Tòa án có triệu tập chị T và anh T1 để tham gia phiện hòa giải, nhưng anh T1 vắng mặt không đến Tòa án để tham phiên hòa giải, đều này thể hiện ý chí của của anh T1 là không muốn vợ chồng đoàn tụ lại.

Từ những phân tích trên, xét thấy giữa chị T và anh T1 không còn tình cảm với nhau, mâu thuẩn giữa vợ chồng anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T1 cũng có văn bản ý kiến thống nhất ly hôn với chị T nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T1.

- Về con chung: Có 02 (Hai) con chung là Dương Thị Ngọc Y, sinh ngày 27/5/2011 và Dương Hoàng B, sinh ngày 18/02/2016. Nay ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, anh T1g cũng thống nhất giao 02 con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và đồng thời theo nguyện vọng của con chung Dương Thị Ngọc Y là muốn được sống với mẹ. Vì vậy việc giao 02 con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận như phân tích ở trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị T, bị đơn anh T1 phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật mỗi người là 75.000đ. Nhưng chị T tự nguyện chịu thay cho anh T1 75.000đ, nên chị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 150.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều Điều 51, 55, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị Ngọc T.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị Ngọc T và anh Dương Văn T1.

- Về con chung: Chị Đoàn Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung là Dương Thị Ngọc Y, sinh ngày 27/5/2011 và Dương Hoàng B, sinh ngày 18/02/2016. Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị Ngọc T và anh Dương Văn T1 mỗi người chịu 75.000đ, nhưng chị T tự nguyện chịu thay cho anh T1 75.000đ. Tổng cộng chị T chịu 150.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0006263 ngày 12

tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Chị T được nhận lại 150.000đ tiền tạm ứng án phí chênh lệch đã nộp.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp. Hồng Ngự;
- UBND xã Tân Hội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Huỳnh Anh